

Số: **21** /KH-UBND

Lào Cai, ngày **21** tháng **01** năm 2020

KẾ HOẠCH

Tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 và phương hướng, nhiệm vụ Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Thực hiện Quyết định số 20/QĐ-BCĐCCHC ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và xây dựng Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 và phương hướng, nhiệm vụ Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Đánh giá toàn diện tình hình triển khai và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2011- 2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ; Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 kèm theo Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án của Tỉnh ủy Lào Cai về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Quyết định số 307-QĐ/TU ngày 15/11/2011 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc phê duyệt Đề án số 19: “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Lào Cai - Khỏi các cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2015” và Đề án số 19-ĐA/TU ngày 15/11/2015 của Tỉnh ủy Lào Cai về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020”); xác định rõ những kết quả nổi bật đã đạt được, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, đề xuất các định hướng, giải pháp, nhiệm vụ CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và yêu cầu xây dựng, phát triển của đất nước nói chung và của tỉnh Lào Cai nói riêng trong tình hình mới.

2. Yêu cầu:

- Việc tổng kết, đánh giá phải bảo đảm tính toàn diện, đúng nội dung, tiến độ đề ra, hiệu quả thiết thực, tránh hình thức.

- Đánh giá kết quả thực hiện phải căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ; Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án của Tỉnh ủy Lào Cai về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Báo cáo tổng kết Chương trình tổng thể CCHC bảo đảm đánh giá chính xác, toàn diện kết quả đạt được trên các nội dung CCHC; tập trung làm rõ kết quả so với mục tiêu, làm rõ mục tiêu đạt được, nguyên nhân những mục tiêu không đạt được; việc tổng hợp, phân tích các số liệu thống kê làm rõ kết quả đạt được trong thực hiện Chương trình tổng thể CCHC theo từng giai đoạn (giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020). Đồng thời, đề xuất được những định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030.

- Gắn việc tổng kết với công tác thi đua - khen thưởng, đề xuất được những hình thức khen thưởng phù hợp cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020.

II. NỘI DUNG TỔNG KẾT:

1. Nội dung đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện:

1.1. Đánh giá việc chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện của cơ quan, đơn vị, địa phương:

- Tình hình phổ biến, quán triệt, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ; Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án của Tỉnh ủy Lào Cai về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Việc xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch, đề án triển khai thực hiện CCHC theo giai đoạn và hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Việc củng cố, kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC (nếu có); công tác tuyên truyền, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất.

- Những mô hình, sáng kiến trong CCHC đã được triển khai áp dụng.

1.2. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ; Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án của Tỉnh ủy Lào Cai về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Lào Cai đối với từng nội dung: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; xây

dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính.

- Báo cáo đánh giá so sánh mức độ hoàn thành (tỷ lệ %) so với mục tiêu, nhiệm vụ theo từng giai đoạn (giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020); tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện ở thời điểm từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2020; ước kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2020.

- Nêu rõ những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân những hạn chế, mục tiêu không đạt được trong tổ chức thực hiện; những bài học kinh nghiệm; đề xuất những định hướng, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021-2030 phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương trong tình hình mới.

- Những sáng kiến, giải pháp, điển hình tốt trong CCHC cần được nhân rộng để triển khai thực hiện; đồng thời chỉ rõ những vấn đề không còn phù hợp, những vấn đề bất cập và những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện.

1.3. Kiến nghị, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác CCHC giai đoạn 2021 – 2030 rõ ràng, cụ thể, có khả năng lượng hóa cao, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với yêu cầu, thực tiễn phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương trong giai đoạn 2021-2030.

2. Xây dựng các báo cáo tổng kết chuyên đề theo lĩnh vực:

Tên chuyên đề	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
<u>Chuyên đề 1:</u> Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện cải cách thể chế, trọng tâm là công tác rà soát, ban hành văn bản QPPL; tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2011 - 2020.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
<u>Chuyên đề 2:</u> Công tác cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính giai đoạn 2011 – 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
<u>Chuyên đề 3:</u> Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2020.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
<u>Chuyên đề 4:</u> Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2020.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
<u>Chuyên đề 5:</u> Cải cách tài chính công (trọng tâm là việc thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ).	Sở Tài chính	Các cơ quan có liên quan

<u>Chuyên đề 6:</u> Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan có liên quan
<u>Chuyên đề 7:</u> Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và xây dựng Chính phủ điện tử, đô thị thông minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan có liên quan
<u>Chuyên đề 8:</u> Việc triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 – 2008 và ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2020.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan có liên quan
<u>Chuyên đề 9:</u> Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; cơ quan, đơn vị có liên quan

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ:

1. Sở Nội vụ:

- Chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Xây dựng đề cương chi tiết, các biểu mẫu cụ thể hướng dẫn các ngành, địa phương xây dựng báo cáo tổng kết.

- Xây dựng các báo cáo tổng kết chuyên đề theo lĩnh vực được phân công tại Mục II Kế hoạch.

- Hướng dẫn khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020; thẩm định hồ sơ khen thưởng của các tập thể, cá nhân trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng theo quy định.

- Tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị; xây dựng dự thảo Báo cáo của UBND tỉnh về việc tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 và phương hướng, nhiệm vụ Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020.

2. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tổng kết nghiêm túc bảo đảm chất lượng, tiến độ thời gian; hình thức tổ chức tổng kết phù hợp, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm. Tổ chức tổng kết, đánh giá, đầy đủ, toàn diện việc thực hiện

Chương trình tổng thể CCHC lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương đang tổ chức thực hiện.

- Xây dựng báo cáo tổng kết; đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ CCHC trọng tâm, cần thiết mà các ngành phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021-2030.

- Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ: Xây dựng báo cáo tổng kết chuyên đề theo lĩnh vực được phân công tại Mục II Kế hoạch.

- Đề xuất khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc (nếu có) theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố: Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện việc tổng kết theo các hình thức phù hợp, thiết thực, hiệu quả.

3. Sở Thông tin và Truyền thông; Báo Lào Cai; Đài phát thanh – Truyền hình tỉnh:

Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về những kết quả nổi bật đã đạt được của CCHC, những sáng kiến điển hình, các giải pháp hiệu quả trong CCHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2020.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Thời gian thực hiện:

- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố hoàn thành việc tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 và xây dựng Báo cáo tổng kết (*theo đề cương kèm theo kế hoạch này*) gửi về Sở Nội vụ (đồng gửi: Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Thông tin và truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ) **trước ngày 30/5/2020.**

- Các cơ quan, đơn vị được phân công xây dựng báo cáo tổng kết chuyên đề theo lĩnh vực tại Mục II Kế hoạch này tiến hành tổng hợp và xây dựng báo cáo gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp **trước ngày 10/6/2020.**

- Sở Nội vụ:

- + Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 **trước ngày 25/6/2020.**

- + Chủ trì tổng hợp, hoàn thiện dự thảo báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; phương hướng, nhiệm vụ Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, trình UBND tỉnh ban hành, gửi Bộ Nội vụ **trước ngày 30/6/2020.**

2. Kinh phí thực hiện:

- Sở Nội vụ căn cứ vào nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, lập dự toán kinh phí tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định.

- Sở Tài chính thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp bổ sung kinh phí cho Sở Nội vụ để tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định.

- Kinh phí cho hoạt động tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 của các cơ quan, đơn vị, địa phương khác được sử dụng trong kinh phí được cấp hoạt động thường xuyên năm 2020.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Lào Cai;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TCHC, TH₁, VX₁, NC_{2,3}, KSTT_{1,2}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 21/KH- UBND ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)



Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011-2020

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

- Tình hình phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 (gọi tắt là Chương trình tổng thể) của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) hàng năm của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc triển khai công tác CCHC (thống kê cụ thể tổng số các loại văn bản đã ban hành; nội dung, phạm vi thực hiện; hiệu quả thực hiện từng loại văn bản).

- Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí và nhân lực). Kết quả huy động nguồn lực cho các nội dung thực hiện CCHC; những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân.

- Công tác theo dõi, đánh giá sự hài lòng của cơ quan, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Những thuận lợi, khó khăn (xác định rõ nguyên nhân) trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo (nhấn mạnh những yếu tố tác động trực tiếp đến việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Kế hoạch).

- Những mô hình, sáng kiến trong CCHC đã được triển khai áp dụng.

- Công tác thi đua khen thưởng trong CCHC.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền:

- Việc tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ; Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án của Tỉnh ủy Lào Cai về đẩy mạnh

Độc

cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Lào Cai

- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền CCHC hàng năm.

- Việc xây dựng các chuyên đề thông tin, tuyên truyền về CCHC; việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác CCHC đối với cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức họp, hội nghị, hội thảo (có thể lồng ghép các nội dung khác) tháng, quý, hàng năm về CCHC.

- Kết quả thực hiện: Nội dung thông tin tuyên truyền; các hình thức thông tin, tuyên truyền đã triển khai; mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ; đánh giá hiệu quả thông tin, tuyên truyền đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai. Trên cơ sở đó, đề xuất các định hướng, giải pháp, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2030 (số hoạt động, hình thức, nội dung tuyên truyền, quán triệt; số lượt người tham dự...).

3. Công tác kiểm tra việc thực hiện:

- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC hàng năm.

- Kết quả thực hiện:

- + Tổng số cuộc kiểm tra đã thực hiện (thống kê theo từng năm); số cuộc kiểm tra đột xuất; Số đơn vị được kiểm tra/tổng số đơn vị.

- + Kết quả kiểm tra: Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra; số vấn đề đã xử lý giải quyết hoặc kiến nghị xử lý; số CB,CC,VC được biểu dương, khen thưởng; số CB, CC, VC bị xử lý trách nhiệm, hình thức xử lý.

- + Đánh giá chung kết quả đạt được trong công tác kiểm tra. Đánh giá tác động của công tác kiểm tra đến sự chuyển biến trong công tác triển khai CCHC của các cơ quan, đơn vị; những vấn đề lớn đã phát hiện và xử lý sau kiểm tra.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai:

- Mặt tích cực đạt được.

- Tồn tại, hạn chế.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung CCHC, nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu, mức độ đạt được (từ ngày

du

01/01/2011 đến ngày 31/03/2020); mặt chưa đạt được, nguyên nhân cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Cải cách thể chế:

1.1. Kết quả chủ yếu đạt được:

a) Về tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc phạm vi trách nhiệm trên cơ sở Hiến pháp năm 2013.

b) Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương, trong đó, tập trung các nội dung:

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL, việc tuân thủ quy trình xây dựng văn bản QPPL, trong đó, nêu rõ tổng số văn bản QPPL được ban hành (hoặc tham mưu ban hành), việc tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản QPPL theo quy định của pháp luật, chất lượng văn bản được ban hành.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.

- Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL: Nêu cụ thể tình hình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; nêu cụ thể số lượng các văn bản đã được rà soát, số văn bản còn hiệu lực, hết hiệu lực, hủy bỏ, bãi bỏ, điều chỉnh, bổ sung; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát.

- Công tác kiểm tra văn bản QPPL.

c) Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương:

- Việc tổ chức triển khai: kết quả; đánh giá tác động của các thể chế đó đến các mặt của đời sống xã hội: phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự an toàn xã hội, an sinh xã hội...

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

2.1. Kết quả đạt được:

a) Cải cách thủ tục hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.

b) Về kiểm soát thủ tục hành chính:

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ, của UBND tỉnh.

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

- Việc cập nhật, xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính/Danh mục thủ tục hành chính, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ.

d) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

đ) Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

e) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

g) Sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được:

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị, địa phương

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, của tỉnh về tổ chức bộ máy, trong đó nêu rõ mức độ tuân thủ quy định của Chính phủ, của tỉnh về tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị, địa phương: Số lượng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc tăng, giảm qua các đợt sắp xếp tổ chức bộ máy theo các Nghị quyết của Trung ương; Chương trình hành động của Chính phủ; Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị.

- Tình hình quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

See

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương.

c) Về phân cấp quản lý:

- Việc đề xuất đẩy mạnh phân cấp đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

- Việc thực hiện các quy định phân cấp tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh đã phân cấp cho cơ quan hành chính cấp dưới.

- Xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra.

d) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh

- Công tác xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra.

- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, kết quả xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra.

đ) Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

e) Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được:

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức:

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức: Việc tuyển dụng; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo nguyên tắc cạnh tranh; thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý; chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính; đổi mới công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

b) Về công chức cấp xã:

- Cơ cấu, số lượng.

- Chất lượng.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

5. Cải cách tài chính công:

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được:

a) Tình hình triển khai các chính sách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội.

b) Thực hiện đổi mới các cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước.

c) Đổi mới cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước.

đ) Tăng cường đầu tư, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao.

e) Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công – tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục – đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng.

g) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:

- Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước.

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

h) Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ.

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

6. Hiện đại hoá hành chính:

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được:

Đu

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương: Triển khai thực hiện Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh; triển khai Cổng dịch vụ công; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm.

b) Kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị, địa phương:

- Về hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý, dữ liệu chuyên ngành, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị...

- + Số đơn vị có mạng WAN, LAN, số đơn vị kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

- + Số lượng chữ ký số được cấp cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị:

- + Số đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; tỷ lệ văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước; hiện trạng kết nối giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành và với Trục liên thông văn bản quốc gia.

- + Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ.

- + Công tác xử lý hồ sơ công việc qua môi trường mạng (tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng).

- Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; triển khai các hệ thống một cửa điện tử:

- + Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (nêu rõ số dịch vụ cung cấp, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ, số hồ sơ được giải quyết trực tuyến, hiện trạng tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; hiện trạng công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ;...).

- + Số đơn vị sử dụng phần mềm dịch vụ công, một cửa điện tử, tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử.

c) Tình hình triển khai hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001: 2015 tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2020

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2030

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011-2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm cần thiết mà Chính phủ, các bộ ngành Trung ương, UBND tỉnh phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021-2030, đề nghị tập trung vào những nội dung sau:

1. Về thể chế
2. Về thủ tục hành chính
3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước
4. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức
5. Về tài chính công
6. Về hiện đại hóa hành chính.

Phần thứ ba

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác (nếu có).

